Ký bởi Vũ Thị Thu Cúc
Văn phòng Ủy ban Nhân dân, Tỉnh Hưng Yên
Giờ ký: 2019.03.11 11:08:57 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 736 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 11 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền điện tử trong cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng Chính quyền điện tử trong cơ quan hành chính tỉnh Hưng Yên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 100/TTr-STTTT ngày 20/02/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền điện tử trong cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2018.

(Chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Căn cứ kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền điện tử trong cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2018, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Chính quyền điện tử, cải thiện chỉ số xếp hạng mức độ chính quyền điện tử trong các năm tiếp theo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm THCB (để đăng tải);
- Lưu: VT, KGVX[Ph].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phóng

PHỤ LỤC I

Kết quả đánh giá mức độ chính quyền điện tử các sở, ngành

(Kèm theo Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 1/4/3/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên)

I. Các đơn vị có cung cấp dịch vụ công trức tuyến (Tổng điểm 500)

TT	Tên đơn vị	Hạ tầng kỹ thuật CNTT *(50đ)*	Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan *(100đ)*	Trang/ Cổng thông tin điện tử *(100đ)*	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến *(100 đ)*	Cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng dụng CNTT *(100đ)*	Nhân lực cho ứng dụng CNTT *(50đ)*	Tổng điểm *(500)*	Tỷ lệ *(%)*	Xếp hạng
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	50	69,5	60	97,8	90	50	**417,30**	**83,46**	Khá
2	Sở Giao thông vận tải	48	81	64	92	75	30	**390**	**78**	Khá
3	Sở Thông tin và Truyền thông	50	78	82,5	40	88	50	**388,50**	**77,7**	Khá
4	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	40	85,5	79	40	90	50	**384,50**	**76,9**	Khá
5	Sở Tài chính	50	79,14	86,75	0	100	50	**365,89**	**73,18**	Khá
6	Sở Y tế	42	60	72	50	90	50	**364**	**72,8**	Khá
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	47	90	66,5	0	100	50	**353,5**	**70,7**	Khá
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	43	83,5	76,5	40	65	45	**353**	**70,6**	Khá
9	Sở Tư pháp	50	95	80,5	0	79,5	45	**350**	**70**	Khá
10	Sở Nội vụ	50	65	85	0	100	50	**350**	**70**	Khá
11	Sở Công Thương	48	84	93	0	90	35	**350**	**70**	Khá
12	Sở Xây dựng	45	60	81,75	0	90	35	**311,75**	**62,35**	Trung bình
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	50	71,5	81	0	50	50	**302,5**	**60,5**	Trung bình

14	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	42	61,8	78,5	0	60	35	**277,3**	**55,46**	Trung bình
15	Sở Khoa học và Công nghệ	47	68,5	72,5	0	29	35	**252**	**50,4**	Trung bình
16	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	35	36	56,5	20	68	35	**250,5**	**50,1**	Trung bình
17	Thanh tra tỉnh	50	39,2	81	0	30	50	**250,2**	**50,04**	Trung bình
Điểm trung bình		**46,29**	**71,04**	**81,06**	**23,74**	**80,91**	**46,56**	**349,60**	**69,92**	

II. Các đơn vị đặc thù không cung cấp dịch vụ công trực tuyến (tổng điểm 400)

TT	Tên đơn vị	Hạ tầng kỹ thuật CNTT *(50đ)*	Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan *(100đ)*	Trang/Cổng thông tin điện tử *(100đ)*	Cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng dụng CNTT *(100đ)*	Nhân lực cho ứng dụng CNTT *(100đ)*	Tổng điểm *(400đ)*	Tỷ lệ *(%)*	Xếp hạng
1	Văn Phòng UBND tỉnh	50	82	79	90	50	**351**	**87,75**	Khá
2	Công an tỉnh	46,5	70,5	81	95	42	**335**	**83,75**	Khá
3	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	34,5	51	57	72	38	**252,5**	**63,13**	Trung bình
4	Ban quản lý Khu đại học Phố Hiến	40	87,9	42,25	60	20	**250,15**	**62,5**	Trung bình

PHỤ LỤC II

Kết quả đánh giá mức độ chính quyền điện tử cấp huyện

(Kèm theo Quyết định số 736 /QĐ-UBND ngày 11 /3/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên)

TT	Tên đơn vị	Hạ tầng CNTT *(30đ)*	Nhân lực CNTT *(12đ)*	Môi trường chính sách *(8đ)*	Mức độ hiện diện *(40đ)*	Mức độ tương tác *(35đ)*	Mức độ giao dịch *(20đ)*	Mức độ chuyển đổi *(5đ)*	Tổng điểm *(150đ)*	Tỷ lệ *(%)*	Xếp hạng
1	UBND TP. Hưng Yên	26,4	11	6	32	27,8	3,22	0	**106,42**	**70,95**	Khá
2	UBND huyện Văn Lâm	25	9,3	6,5	31	27	5,9	0,3	**105,00**	**70**	Khá
3	UBND huyện Tiên Lữ	25,5	7,6	6,5	33	24,5	4,72	0	**101,82**	**67,88**	Trung bình
4	UBND huyện Yên Mỹ	25,8	7,9	6	22	25,9	3,25	0	**90,85**	**60,57**	Trung bình
5	UBND huyện Phù Cừ	23,7	6,74	6	22	21,2	2,83	0	**82,47**	**54,98**	Trung bình
6	UBND huyện Văn Giang	25,5	7,2	5	15	24,35	3,55	1	**81,60**	**54,4**	Trung bình
7	UBND huyện Khoái Châu	25,7	7,5	6	21,2	17,39	2,8	0	**80,59**	**53,73**	Trung bình
8	UBND huyện Mỹ Hào	25,73	6,75	5,5	14	23,7	3,72	0	**79,40**	**52,93**	Trung bình
9	UBND huyện Ân Thi	25,5	6,8	6,5	16,5	18,7	5	0	**79,00**	**52,67**	Trung bình
10	UBND huyện Kim Động	24	7	6,5	17	18,9	3,55	0	**76,95**	**51,3**	Trung bình
Điểm trung bình		**25,28**	**7,779**	**6,05**	**22,37**	**22,94**	**3,85**	**0,13**	**88,41**	**58,94**	